

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LOGISTIC THIÊN LONG TÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LOGISTIC THIÊN LONG TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN LONG TAM LOGISTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN LONG TAM LOGISTIC GROUP JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3703018292

3. Ngày thành lập: 26/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

40/17 đường DT743, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743713310

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn trứng tươi, sản phẩm từ trứng gia cầm; bán buôn gà quay, vịt quay, xúc xích; Bán buôn thịt gia cầm, gia súc, thủy hải sản đã qua chế biến; Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn các loại rau, củ, quả, trái cây tươi; đông lạnh và chế biến nước ép. Bán buôn, xuất nhập khẩu thực phẩm tươi sống và đông lạnh. (không hoạt động tại trụ sở).	4632
2.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn và không có cồn	4633
3.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông chi tiết: Bán buôn thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị chống sét, thiết bị phòng cháy chữa cháy, bán buôn băng đĩa từ, đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng đĩa trắng), bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông, tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến, đầu đĩa CS, DVD	4652
5.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
6.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
7.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Làm sạch, phân loại, sơ chế, phơi sấy sản phẩm trước khi bán; Sản xuất, chế biến, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	0163
8.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

9.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
10.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
12.	Giáo dục nhà trẻ	8511
13.	Giáo dục mẫu giáo	8512
14.	Giáo dục tiểu học	8521
15.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Dạy nghề	8531
16.	Giáo dục thể thao và giải trí (trừ hoạt động của các sân nhảy) (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8551
17.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động của các sân nhảy) (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8552
18.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng, các dịch vụ dạy kèm (gia sư), giáo dục dự bị, dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại, đào tạo kỹ năng nói trước công chúng, đào tạo các kỹ năng quản trị.	8559
19.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
20.	Bán buôn tổng hợp	4690
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)	4719
23.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
25.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước trái cây; Bán lẻ rượu, bia, nước giải khát có gas; Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
26.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

27.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm, thủy cầm; Chế biến, đóng hộp, bảo quản thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm đông lạnh; Bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến xúc xích (không hoạt động tại trụ sở)	1010
28.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
29.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và đóng gói hàng nông sản (không hoạt động tại trụ sở)	1030
30.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Không hoạt động tại trụ sở)	1040
31.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
32.	Xay xát và sản xuất bột thô (Chỉ được xay xát, chế biến sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1061
33.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (Chỉ được xay xát, chế biến sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	1062
34.	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: Sản xuất bánh ngọt khô hoặc làm lạnh; bánh mỳ; bánh nướng; các loại bánh ăn nhẹ mặn hoặc ngọt; snack bánh gạo rong biển các loại	1071
35.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất trà các loại, các loại bánh, kẹo, Chế biến thực phẩm các loại và đồ uống (không sản xuất tại trụ sở)	1079
36.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở)	2023
37.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm.	2029
38.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
39.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
40.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ vận chuyển hóa khí lỏng)	4933(Chính)
42.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
43.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường thủy	5222
47.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.	5225
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistics (trừ đường hàng không); Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, dịch vụ đại lý tàu biển; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ môi giới hàng hải và các dịch vụ hàng hải khác (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không), đại lý vận chuyển hàng hóa	5229
50.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
51.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
52.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến thực phẩm. Sản xuất, gia công các sản phẩm da và giả da (trừ thuộc da, tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở); Sản xuất, gia công hàng may mặc các loại; Sản xuất các loại giấy nhám và keo dán (không sản xuất hóa chất tại trụ sở); Sản xuất hạt nhựa, lưới cắt gạch, đá mài, đá cắt, vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất các loại sản phẩm chà nhám và đánh bóng từ vải và giấy nhám nguyên liệu, chia cuộn giấy nhám, cắt, dán giấy nhám, gia công cắt giấy nhám, sản xuất, gia công giấy nhám, vải nhám, băng keo theo yêu cầu khách hàng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện), (không hoạt động tại trụ sở).	3290
53.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
54.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Dịch vụ về lắp đặt các thiết bị máy móc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại địa điểm kinh doanh)	3320
55.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
56.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng. Xây dựng công trình thủy lợi; kênh mương, đê, trạm bơm	4299
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

59.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI THỊ XUÂN	tổ 4, thôn Khánh Tân, Xã Tam Dân, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	1,000	206001792	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	1,000		

2	THÂN THỊ PHƯƠNG	40/17 đường DT743, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	510.000	5.100.000.000	51,000	281277572	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	510.000	5.100.000.000	51,000		
3	VÕ VĂN ĐÀO	40/17 đường DT743, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	480.000	4.800.000.000	48,000	281277013	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	480.000	4.800.000.000	48,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **THÂN THỊ PHƯƠNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/12/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *281277572*

Ngày cấp: *25/03/2019*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bình Dương*

Địa chỉ thường trú: *40/17 đường DT743, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *40/17 đường DT743, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương*